

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **244/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 23- 8- 2024

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Trung Sơn.

2. Ông Tống Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiên- Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 17 và 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXX- ST ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H** sinh N 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Xã MT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Bé N** sinh N 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã MT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Bé N chung sống với nhau năm 1995, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT vào ngày 05/8/2002. Trong cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu bia, ăn nhậu xong về chửi, đánh chị nhiều lần và hăm dọa đòi giết chị nên chị sợ và

vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh G sinh ngày 19/4/1997 và Nguyễn Văn Thanh P sinh ngày 09/11/1998. Hiện các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn Bé N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Văn Bé N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N chung sống với nhau N 1995, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT vào ngày 05/8/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Bé N là do anh N thường xuyên ăn nhậu, nhậu xong về chửi và đánh chị H nhiều lần, đập phá đồ đạc trong nhà nên chị H và anh N đã sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay là phù hợp với xác nhận của Trưởng ấp Mỹ Thị B, xã MT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Mặt khác, anh N không có ý kiến mặt dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, điều đó thể hiện ý chí của anh N là không muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh G sinh ngày 19/4/1997 và Nguyễn Văn Thanh P sinh ngày 09/11/1998, hiện đã thành niên. Chị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Bé N.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0015385 ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị H đã nộp xong án phí.

Án tuyên lúc 16 giờ 10 phút ngày 23 tháng 8 năm 2024, có mặt chị H, vắng mặt anh N.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị Nguyễn Thị H được tính từ ngày tuyên án; đối với anh Nguyễn Văn Bé N được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã MT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi